

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 59/2019/HS-ST

Ngày: 29/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Toàn

Bà Trần Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 07/11/2019 đối với bị cáo:

Ly Mí C; tên gọi khác: Không; sinh năm 1995, tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; con ông Ly Súa T (đã chết) và bà Vàng Thị D, Sinh năm 1962; có vợ là Hạ Thị D1, sinh năm: 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 16/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

Người làm Chứng: Vàng Mí L, Vàng Vàng Q, Vàng Vả D2, Vàng Nhè P, Ly Chứ M, Cử Mí S1, Hờ Pà S2, Ly Mí C2, Thào Vàng L, Hạ Thị D1, Ly Mí D2. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2017, Ly Mí C đi sang Trung Quốc làm thuê cho một người tên là Thò S ở Nam Ninh - Trung Quốc, đến tháng 7/2018, Thò S bảo C về

Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho Thò S; công việc là phát cỏ, trồng cây; tiền công là 100 NDT/1 ngày, nếu C tìm và đưa được người sang làm thuê thì Thò S sẽ trả tiền công tìm người cho C, C đồng ý. Sau khi về Việt Nam, đến khoảng đầu tháng 8/2018, trong khi đi chợ xã D, huyện Y, C có gặp Vàng Mí L, sinh năm 1996; Vàng Vảng Q, sinh năm 1985; Vàng Nhè P, sinh năm 1984 (đều trú tại thôn Giàng Trù B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang), đã hỏi C về công việc và tiền công lao động ở Trung Quốc, C nói: công việc là phát cỏ, trồng cây; tiền công là 100 NDT/1 ngày, nếu ai đồng ý đi cùng C thì sẽ được ứng trước tiền công lao động là 1.000 NDT/1 người. Cả ba đều đồng ý đi cùng C. Ngoài ra, Vàng Vả D2, sinh năm 1983, trú tại thôn Giàng Trù B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Ly Mí C2, sinh năm 1993, Ly Chứ M; Thào Vàng L, sinh năm 1984, Cử Mí S1, sinh năm 1986, Ly Chử L2, sinh năm 1975, Hờ Pà S2, sinh năm 1984 (đều trú tại thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang), do biết C thường xuyên đi sang Trung Quốc làm thuê nên đã đến nhà C để hỏi về công việc và tiền công lao động ở Trung Quốc như thế nào, C cho biết: công việc là phát cỏ, trồng cây; tiền công là 100 NDT/1 ngày, nếu ai đồng ý đi cùng C thì sẽ được ứng trước tiền công lao động là 1.000 NDT/1 người, cả 07 người này đã đồng ý đi Trung Quốc lao động làm thuê với C. Sau khi tìm được 10 người trên, C đã gọi điện cho Thò S đề nghị lấy tiền công ứng trước cho 10 người này, Thò S đồng ý và hẹn C lên biên giới Việt Nam – Trung Quốc, đoạn xã P, huyện Đ để lấy tiền. Do không biết đi xe mô tô nên C đã nhờ anh Ly Mí D2, sinh năm 1984, trú tại thôn Thâm L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang (là anh trai của C) đưa đến xã Phố Là nhận 10.000 NDT từ Thò S. Nhận tiền xong, C mang về cho 10 người ứng, mỗi người là 1.000 NDT. Ngày 17/8/2018, C gọi điện cho Thò S để thống nhất thời gian, địa điểm đi và Thò S cho xe ô tô đến đón. Sau đó, C gọi điện thoại thông báo cho 10 người đã được ứng tiền, chiều ngày 17/8/2018 tập trung tại điểm trường thôn Thâm L, xã D, huyện Y để đi Trung Quốc làm thuê. Đến khoảng 17 giờ ngày 17/8/2018, khi C đến điểm trường thôn T thì thấy có 01 xe ô tô màu đen, người lái xe nói do Thò S bảo đến đón người đi Trung Quốc làm thuê. Tại đây, ngoài 10 người do C tìm được, còn có 10 người khác do biết thông tin có người đến đón đi Trung Quốc làm thuê nên đã tự đến để đi cùng. Thấy có đông người nên người lái xe đã gọi điện cho Thò S, đến khoảng 19 giờ ngày 17/8/2018, có 01 xe ô tô tải màu vàng đến xã D, huyện Y để đón C và 20 người đi lên xã Phố Là. Trước khi đi, người lái xe màu vàng này có đưa cho vợ của C là Hạ Thị D1, sinh năm 1996, trú tại thôn Thâm L, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang, 10.000 NDT nhờ D1 cầm hộ và nói nếu có người nhà của những người đi lao động đến nhận tiền thì đưa hộ cho họ (*hiện số tiền này D1 đã đưa cho gia đình những người đi lao động, nhưng không nhớ cụ thể cho những ai và cụ thể số tiền là bao nhiêu*). Khi xe lên đến xã P, huyện Đ, C cùng những người đi lao động đi bộ theo đường mòn sang Trung Quốc (*không làm thủ tục xuất cảnh qua biên giới*), sang đến Trung Quốc thì có 02 xe ô tô do Thò S đưa đến đón và đưa mọi người đến chỗ làm thuê. Đến ngày 29/11/2018, có 11 người về trước, trên đường về bị Công an Trung Quốc bắt giữ, đến ngày 04/12/2018 được trao trả về Việt Nam. Sau đó khoảng 04 hôm, C và 09 người quay về Việt Nam. Sau khi về Việt Nam, khi biết toàn bộ số người lao động đã được quay về, Thò S hẹn C lên biên giới Việt Nam - Trung Quốc để lấy tiền công của những

người lao động. C nhờ anh Ly Mí D2 đưa lên xã Phố Là nhận 20.000 NDT từ Thò S. Số tiền này C đã chi trả cho 10 người mà C tìm được hết 17.000 NDT (*C không nhớ số tiền cụ thể chi trả cho những ai, với số lượng bao nhiêu*), còn lại 3.000 NDT là tiền công tìm người đi Trung Quốc làm thuê mà Thò S trả cho C.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 23/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Ly Mí C về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi phân tích tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Ly Mí C phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Ly Mí C từ 06 năm đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2019.

- Án phí: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, là hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại bản luận cứ, người bào chữa cho bị cáo Ly Mí C trình bày: Về tội danh nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố. Tuy nhiên xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế, vì vậy khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bị cáo Ly Mí C phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, xử phạt bị cáo 05 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo Ly Mí C trình bày: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh và điều luật áp dụng, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Tháng 7/2018, người đàn ông Trung Quốc tên là Thò S bảo Ly Mí C, sinh năm 1995, trú tại: thôn Thâm Luông, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm thuê cho Thò S, nếu C tìm và đưa được người sang làm thuê thì Thò S sẽ trả tiền công tìm người cho C. Đầu tháng 8/2018, C đã rủ được 10 người đi lao động làm thuê gồm: Vàng Mí L, sinh năm 1996, Vàng Vàng Q, sinh năm 1985, Vàng Vả D2, sinh năm 1983, Vàng Nhè P, sinh năm 1984 (đều trú tại thôn Giàng Trù B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang); Ly Mí C, sinh năm 1993, Ly C Mua; Thảo Vàng L, sinh năm 1984, Cử Mí S1, sinh năm 1986, Ly Chữ L2, sinh năm 1975, Hờ Pà S2, sinh năm 1984 (đều trú tại thôn T, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang). Ngày 17/8/2018, C và 10 người (ngoài ra còn có thêm 10 người khác do biết thông tin nên cũng đến để đi cùng) sang Trung Quốc lao động làm thuê qua đường mòn vượt biên giới thuộc địa phận xã P, huyện Đ, mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định. Về số tiền 3.000 NDT là tiền công do bị cáo đi làm thuê ở Trung Quốc, không phải là tiền công do tìm được người đi Trung Quốc làm thuê. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài quy định tại Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài thuộc trường hợp được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử không nhất trí với mức án mà Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo đề nghị; Hội đồng xét xử nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, khung hình phạt và mức án đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với số tiền 3000NDT là tiền công do bị cáo đi làm thuê ở Trung Quốc, không phải là tiền công do tìm được người đi Trung Quốc làm thuê, vì vậy không cần thiết phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Trong vụ án này đối tượng tên là Thò S là người Trung Quốc, giữ vai trò chủ mưu, thỏa thuận với C việc tìm người, công việc, tiền công lao động, tiền công tìm người nhưng do Thò S là người Trung Quốc nên Cơ quan An ninh điều tra không có đủ điều kiện để điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch cũng như có hình thức xử lý đối với Thò S.

Đối với 02 người lái xe ô tô đến xã D đón người đi Trung Quốc làm thuê do Thò S thuê, Cơ quan An ninh điều tra tiến hành xác minh nhưng không xác định được ai làm nghề lái xe tại xã P và thị trấn Ph, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Đối với Hạ Thị D1 (vợ bị cáo Ly Mí C), khai nhận 10.000 NDT từ người lái xe ô tô, chỉ nói là nhờ cầm hộ, ai đến lấy tiền thì đưa giúp, D1 không biết đây là tiền gì. Ly Mí C cũng không biết nội dung này. D1 chưa từng đi Trung Quốc làm thuê, do đó Hạ Thị D1 không đồng phạm với Ly Mí C trong việc tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

Đối với Ly Mí D2 (anh trai bị cáo C), do C không biết đi xe mô tô nên C đã nhờ chở lên xã P, huyện Đ, D không biết việc C tổ chức người khác trốn đi nước ngoài nên Cơ quan an ninh điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số và là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ly Mí C phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Ly Mí C 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ly Mí C.

3. Án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ly Mí C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV06; PC02 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

BẢN CỨU VỤ LÝ MÍ C

1/ Nguồn tin tội phạm, tố tụng chung: giải quyết đúng trình tự, đúng thủ tục tố tụng quy định.

- Điều tra viên: Hoàng Đức Mạnh

- Kiểm sát viên: Vũ Thị Thanh Nga
- Trợ giúp viên pháp lý: Nguyễn Thị Thanh Huyền (BL 37) **Có cần công văn đề nghị của cơ quan điều tra yêu cầu người trợ giúp cho bị cáo không?**

2/ Bị cáo:

Ly Mí C; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1995. Tại xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn Thâm Luông, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; con ông Ly Súa Trỏ (đã chết) và bà Vàng Thị Dính, Sinh năm 1962; có vợ là Hạ Thị Dính, sinh năm: 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị bắt ngày 16/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang.

- Lời khai của bị cáo (từ BL 79 đến BL 92): bị cáo thừa nhận đã chủ động tìm được 10 người có nhu cầu đi làm thuê để đưa sang Trung Quốc làm thuê. Bị cáo ứng trước cho mỗi người đi làm thuê 1000NDT để tạo lòng tin là sang Trung Quốc làm thuê sẽ được trả tiền đầy đủ. Khi đi sang Trung Quốc bị cáo không làm thủ tục xuất nhập cảnh.

- Bị cáo được thu lợi từ việc tìm người làm thuê là 3000NDT.
- Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm Cng.

3/ tổ tụng khác:

- Đã lấy được lời khai của:
 - 08 người bị cáo tìm để đi làm thuê (**Vàng Mí L 93; Vàng Vàng Q 95; Vàng Va D2 103; Vàng Nhè P; Ly C Mua 113; Cử Mí S1 115; Ly Chủ Lầu 121 đã chết; Hờ Pà Súng**): đều nhận đủ tiền lao động (**Thào Vàng Lử + Ly Mí C** ko lấy được lời khai do..... thường xuyên không có mặt tại địa phương 159).
 - 05 người nghe được tin nên tự đến điểm tập chung => **05 người tự do có lời khai: Ly Mí C 135; Thò Chá Tính 141; Thào Thị Sò 145; Vàng Mí Sừ 147; Hạ C Thẻ 149. (Vàng Mí Dính; Ly Mí Pó; Ly C Mua; Ly Pà Mua; Vàng Thị Sò ko lấy được lời khai do..... thường xuyên không có mặt tại địa phương 159)**
 - Có biên bản xác minh đối với **08** người thường xuyên không có mặt tại địa phương (**Ly Mí C; Vàng Vàng Q; Thào Vàng Lử; Vàng Mí Dính; Ly Mí Pó; Thò Chá Tính; Ly C Mua; Ly Pà Mua;**)162.
 - 01 biên bản xác minh 01 người làm Cng đã chết (BL 161) **Ly Chủ Lầu**
 - Vật Cng: không có vật Cng liên quan đến vụ án.

